

Bản án số: 110/2024/DS-PT
Ngày: 26/4/2024
V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 365/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 368/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Hoa Thị Đ, sinh năm 1945; nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

1.2. Ông Hoa Văn Đ1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hoa Văn Đ1: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1952; địa chỉ: B L, thành phố L, tỉnh An Giang; Luật sư – Văn phòng luật sư Nguyễn Đức K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A;

1.3. Ông Hoa Văn Ý, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

1.4. Ông Hoa Văn U, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Hoa Hữu V, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hoa Hữu V: Bà Hoa Thị Kim L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền lập ngày 25/10/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hoa Hữu V: Bà Huỳnh Hồng D, sinh năm 1956; địa chỉ: D T, thành phố L, tỉnh An Giang; Luật sư – Văn phòng luật sư Huỳnh Hồng D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Dương Thị Hồng D1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Dương Đức H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.4. Ông Huỳnh Văn Hòa D2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.5. Ông Nguyễn Việt T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.6. Ông Phạm Văn R, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

3.7. Ông Trần Văn N, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.8. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.9. Ủy ban nhân dân xã K; địa chỉ trụ sở: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A.

4. Người kháng cáo: Ông Hoa Văn Đ1, bà Hoa Thị Đ, ông Hoa Văn U, ông Hoa Văn Ý1 là nguyên đơn; ông Hoa Hữu V là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt các ông bà: Hoa Thị Đ, Hoa Văn Đ1, Hoa Văn Ý, Hoa Văn U, Hoa Hữu V, Hoa Thị Kim L, Đặng Thị T, Dương Thị Hồng D1, Nguyễn Đức K, Huỳnh Hồng D.

Vắng mặt các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án các nguyên đơn bà Hoa Thị Đ, ông Hoa Văn Đ1, ông Hoa Văn Ý1, Hoa Văn U trình bày: Cha, mẹ của các nguyên đơn là cụ ông Hoa Văn M (sinh năm 1925, chết

ngày 30/11/2016) và cụ bà **Lê Thị L1** (sinh năm 1930, chết ngày 17/5/2021) có sinh 06 người con gồm các ông, bà **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ1**, **Hoa Văn Ý**, **Hoa Văn U**, **Hoa Hữu V** và **Hoa Thị C**. Bà **C** đã chết ngày 29/8/2009, có chồng là ông **Dương Văn L2** và 02 người con tên **Dương Thị Hồng D1**, **Dương Đức H**. Cụ **M**, cụ **L1** có tạo lập một số tài sản sau:

- 01 căn nhà cây gỗ thao lao, mái lợp ngói, nền lót sàn chiếm chiều ngang 8m, dài 16m trên quyền sử dụng đất diện tích 14.204m², tọa lạc **ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**, thuộc các thửa đất số 187, 191, 193, 194, tờ bản đồ số 90, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB, ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**. Trước đây, cụ **M**, cụ **L1** sinh sống trong căn nhà này. Hiện nay, căn nhà này do ông **Hoa Hữu V** quản lý sử dụng. Căn nhà chưa được cấp quyền sở hữu.

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 14.204m², thuộc các thửa đất số 187, 191, 193, 194, tờ bản đồ số 90, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**.

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 4.995,0m², thuộc các thửa đất số 89, 91, tờ bản đồ số 98, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**.

Ngày 26/3/2009, cụ **M**, cụ **L1** lập di chúc có chứng thực để lại toàn bộ tài sản cho ông **Hoa Hữu V** để làm đất hương hỏa, không được sang bán, cầm cố. Sau khi cụ **M** mất, gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên đến ngày 21/02/2017, cụ **L1** lập lại di chúc, có chứng thực để lại toàn bộ tài sản của cụ **L1** cho các ông, bà **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ1**, **Hoa Văn Ý**, **Hoa Văn U**.

Vì vậy, bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý1**, **Hoa Văn U** yêu cầu xác định di sản của cụ **M**, cụ **L1** để lại đối với các phần đất được liệt kê bên trên. Đồng thời, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do cụ **M** chết để lại trong khối tài sản của cụ **M**, cụ **L1** theo pháp luật thành 06 kỹ phần bằng nhau cho các ông, bà **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ1**, **Hoa Văn Ý**, **Hoa Văn U**, **Hoa Hữu V**, **Hoa Thị C**, theo đó, mỗi người được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 1.599,9m²; chia di sản thừa kế do cụ **L1** chết để lại trong khối tài sản của cụ **M**, cụ **L1** theo di chúc lập ngày 21/02/2017 cho các ông, bà **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ1**, **Hoa Văn Ý**, **Hoa Văn U** với kỹ phần của mỗi người bằng nhau quyền sử dụng đất diện tích 2.399,8m². Riêng căn nhà gỗ thao lao không chia thừa kế, được làm phủ thờ để thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn khởi kiện bổ sung đối với phần diện tích 5.000m² đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Phần của cha chia cho 06 người con: **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ1**, **Hoa Văn Ý**, **Hoa Văn U**, **Hoa Hữu V** và **Hoa Thị C** (chết do con đại diện) kỹ phần mỗi người thừa kế là 416,6m²; Phần của mẹ chia cho 04 người con: **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ1**, **Hoa Văn Ý**, **Hoa Văn U** Ớt kỹ phần mỗi người thừa kế là 625m². Ngày 21/7/2023, Bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý1**, **Hoa Văn U** có đơn rút lại yêu cầu kiện bổ sung đối với phần diện tích 5.000m²

đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì việc đo đạc bị cản trở không thực hiện được. Đối với kết quả đo đạc, thể hiện Tòa án đã đo đúng diện tích đất mà các nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án; Riêng, đối với nhà của bà Lê Thị Đ2, các nguyên đơn biết được là trước đây cha các nguyên đơn là ông Hoa Văn M cho bà Đ2 cất nhà để ở, cho nên các nguyên đơn không tranh chấp yêu cầu bà Đ2 phải trả đất; đối với diện tích đất là nhà của bà Lê Thị Đ2 theo bản vẽ mà Tòa án công bố có diện tích 20,2 m² nối các điểm 8,9,10,11 thuộc thửa 193, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1, các nguyên đơn là người thừa kế của ông M, bà L1, các nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất này.

Bị đơn ông Hoa Hữu V và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hoa Hữu V là Hoa Thị Kim L trình bày: Ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì di chúc của cụ M, cụ L1 lập ngày 26/3/2009 để lại di sản cho bị đơn có giá trị, đã được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực. Di chúc ngày 21/02/2017 là văn bản giả dối, có sự tự ý lập trong khi cụ L1 già yếu, bệnh tật không thể đi lại được, tuổi rất cao. Các quyền sử dụng đất diện tích 14.204m² và 4.995m² do ông V trực tiếp quản lý, sử dụng và canh tác đến nay ổn định, không có tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoa Hữu V yêu cầu được hưởng thừa kế tài sản theo tờ di chúc ngày 26/3/2009; không chấp nhận di chúc lập ngày 21/02/2017 vì chữ ký gạch thập trong giấy khám sức khỏe và chữ ký dấu vân tay trong các tờ di chúc không khớp với nhau. Đối với kết quả đo đạc, thể hiện Tòa án đã đo đúng diện tích đất mà ông V đang quản lý sử dụng và cho người khác thuê theo hợp đồng đã gửi cho Tòa án; Riêng, đối với nhà của bà Lê Thị Đ2, ông V biết được là trước đây cha ông Viên là ông Hoa Văn M cho bà Đ2 cất nhà để ở, cho nên ông V không tranh chấp yêu cầu bà Đ2 phải trả đất; đối với diện tích đất là nhà của bà Lê Thị Đ2 theo bản vẽ mà Tòa án công bố có diện tích 20,2 m² nối các điểm 8,9,10,11 thuộc thửa 193, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1, ông V là người thừa kế của ông M, bà L1, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất này; đối với ghi chú trong bản vẽ ghi là đất cấp cho Hoa Văn Đ3 là không đúng đề nghị lưu ý khi ra bản án quyết định; đối với việc ghi chú trong bản vẽ ghi là trại của ông Q là không đúng mà là người ông V đang chi thuê đất là ông Hòa D2.

Bà Đặng Thị T trình bày: Bà T thống nhất với ý kiến của ông V, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Hồng D1, ông Dương Đức H trình bày: Bà D1 và ông H là con của bà Hoa Thị C, bà D1 và ông H đã nhận được thông báo của Tòa án về việc các cậu và di kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của ông N2, bà N2 để lại, trong cả hai tờ di chúc thì mẹ bà D1 và ông H là bà Hoa Thị C không được chia nhưng trước đó mẹ là bà C đã được chia 05 công đất; mẹ bà D1 và ông H chỉ có 02 người con là Dương Thị Hồng D1, ông Dương Đức H, bà D1 và ông H không có tranh chấp gì trong 19 công

đất này nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về việc thủ tục tố tụng tiếp theo thì bà **D1** và ông **H** xin được vắng mặt, kể cả phiên tòa xét xử. Đối với địa chỉ liên lạc thì đề nghị Tòa án ghi thêm địa chỉ của **Dương Thi Hồng D1**, sinh năm 1991, **tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn N** trình bày: ông **N** là người thuê đất của ông **Hoa Hữu V**, ông **N** hợp đồng thuê là 10 năm, năm nào ông **N** trả tiền thuê đất của năm đó. Hiện tại, ông **N** đã nhận được thông báo của Tòa án về việc các anh em ông **V** kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của cha mẹ để lại trong đó có phần đất của ông **N** thuê, ông **N** không có tranh chấp gì với ông **V** về hợp đồng thuê đất nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông **N** yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất cho đến khi có quyết định của Tòa án; nếu sau này Tòa án giải quyết phần đất ông **N** thuê thuộc quyền sử dụng của các anh em ông **V** thì ông **N** đồng ý cùng với ông **V** giao đất về việc thủ tục tố tụng tiếp theo thì ông **N** xin được vắng mặt, kể cả phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn R** trình bày: ông **R** là người thuê đất của ông **Hoa Hữu V**, ông **R** hợp đồng thuê là 10 năm, năm nào ông **R** trả tiền thuê đất của năm đó. Hiện tại, ông **R** đã nhận được thông báo của Tòa án về việc các anh em ông **V** kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của cha mẹ để lại trong đó có phần đất của ông **R** thuê, ông **R** không có tranh chấp gì với ông **V** về hợp đồng thuê đất nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông **R** yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất cho đến khi có quyết định của Tòa án; nếu sau này Tòa án giải quyết phần đất ông **R** thuê thuộc quyền sử dụng của các anh em ông **V** thì ông **R** đồng ý cùng với ông **V** giao đất về việc thủ tục tố tụng tiếp theo thì ông **R** xin được vắng mặt, kể cả phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn N1** trình bày: ông **Ngô I** người thuê đất của ông **Hoa Hữu V**, ông **N1** hợp đồng thuê là 10 năm, năm nào ông **N1** trả tiền thuê đất của năm đó. Hiện tại, ông **N1** đã nhận được thông báo của Tòa án về việc các anh em ông **V** kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của cha mẹ để lại trong đó có phần đất của ông **Ngô t**, ông **N1** không có tranh chấp gì với ông **V** về hợp đồng thuê đất nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông **N1** yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất cho đến khi có quyết định của Tòa án; nếu sau này Tòa án giải quyết phần đất tôi thuê thuộc quyền sử dụng của các anh em ông **V** thì ông **Ngô** đồng ý cùng với ông **V** giao đất về việc thủ tục tố tụng tiếp theo thì ông **Ngô x** được vắng mặt, kể cả phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ủy ban nhân dân xã K**, ông **Huỳnh Văn Hòa D2**, ông **Nguyễn Việt T1** không gửi ý kiến cho Tòa án và vắng mặt.

Kết quả đo đạc thể hiện, cụ thể:

- Các nguyên đơn bà **Đ3**, ông **Đ1**, ông **Y**, ông **U** yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với phần diện tích 5.000m² đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông **Hoa Hữu V** yêu cầu được hưởng cho rằng theo tờ di chúc là 4.000 mét đất vườn. Khi đo đạc, ông **V** cản trở không thực hiện được,

các nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích này.

- Diện tích đất 3.417 m² nối các điểm 8,9,10,11,12,13,14,15 thuộc thửa 91, tờ bản đồ 98 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1;

- Diện tích đất 1.578 m² nối các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,15 thuộc thửa 89, tờ bản đồ 98 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1;

- Diện tích đất 9.998m² nối các điểm 20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31,32,38,39,40,41 thuộc thửa 187, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1;

- Diện tích đất 3.024m² nối các điểm 19,20,41,40,39,38,32,33,34,37,36,42,45 thuộc thửa 191, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1;

- Diện tích đất 190m² nối các điểm 42,43,44,45 thuộc thửa 194, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1;

- Diện tích đất 992 m² nối các điểm 15,16,17,18,19,45,44,43,42,36,11,8,35 thuộc thửa 193, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1. Trong đó, tích đất 20,2 m² nối các điểm 8,9,10,11 là nhà của bà Lê Thị Đ2. Các đương sự bà Đ3, ông Đ1, ông Ý, ông U, ông V là người thừa kế của ông M, bà L1, không tranh chấp yêu cầu bà Đ2 phải trả đất và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hoa Văn Đ1 là ông Nguyễn Đức K đề nghị xem xét trong vụ án này có 02 tờ di chúc, di chúc sau có nội dung khác với di chúc trước thì có hiệu lực của di chúc sau. Đối với di chúc năm 2009 thì không giao cho ông V được sở hữu, chỉ giao quản lý, tờ di chúc chỉ có hiệu lực theo luật cũ là di chúc chung của 02 người. Đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản của cụ M theo pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc sửa đổi di chúc của cụ L1 chia di sản của cụ L1 theo di chúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hoa Hữu V là bà Huỳnh Hồng D đề nghị xem xét các nguyên đơn đã xác định di sản của cụ M, cụ L1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo di chúc năm 2009 ghi tài sản dùng vào việc thờ cúng, căn cứ Điều 640 Bộ luật Dân sự thì cụ L1 chỉ có quyền sửa đổi phần của cụ L1 như vậy ông V được sử dụng phần của cụ M; Khi cụ mơ chết ngày 08/02/2017, cụ L1 có làm tờ phân chia tài sản trong tủ sắt có các nguyên đơn ký tên, thể hiện các nguyên đơn có quan tâm đến tài sản của cụ M

còn lại. Đối với di chúc năm 2017 thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông Hoa Văn Ý, ông **Hoa Văn U** và xử như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông Hoa Văn Ý, ông **Hoa Văn U** đối với phần diện tích 5.000m² đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì việc đo đạc bị cản trở không thực hiện được và diện tích đất 20,2 m² là căn nhà của bà **Lê Thị Đức n** các điểm 8,9,10,11 thuộc giấy chứng nhận đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**.

2. Về di sản: Di sản của cụ **Hoa Văn M** (sinh năm 1925, chết ngày 30/11/2016) và cụ bà **Lê Thị L1** (sinh năm 1930, chết ngày 17/5/2021) Tòa án giải quyết trong vụ án này tài sản là phần đất tọa lạc xã K, huyện C, tỉnh An Giang, theo kết quả thẩm định của Tòa án và bản trích đo hiện trạng ngày 16/02/2023 cụ thể:

- Diện tích đất 3.417m² nối các điểm 8,9,10,11,12,13,14,15 thuộc thửa 91, tờ bản đồ 98 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

- Diện tích đất 1.578 m² nối các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,15 thuộc thửa 89, tờ bản đồ 98 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

- Diện tích đất 9.998m² nối các điểm 20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31,32,38,39,40,41 thuộc thửa 187, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

- Diện tích đất 3.024m² nối các điểm 19,20,41,40,39,38,32,33,34,37,36,42,45 thuộc thửa 191, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

- Diện tích đất 190m² nối các điểm 42,43,44,45 thuộc thửa 194, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

- Diện tích đất 992m² nối các điểm 15,16,17,18,19,45,44,43,42,36,11,8,35 thuộc thửa 193, tờ bản đồ 90 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**. Trừ diện tích đất 20,2 m² nối các điểm 8,9,10,11 là nhà của bà **Lê Thị Đ2**.

Giá trị tài sản là 1.626.192.000 đồng.

3. Hàng thừa kế của cụ **Hoa Văn M** (sinh năm 1925, chết ngày 30/11/2016) và cụ bà **Lê Thị L1** (sinh năm 1930, chết ngày 17/5/2021) gồm bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Hữu V** và bà **Hoa Thị C** (bà **C** đã chết người thừa kế thế vị là bà **Dương Thị Hồng D1**, ông **Dương Đức H**). Do cụ **M**, cụ **L1** có lập di chúc và di chúc được Tòa án xét di chúc phát sinh hiệu lực nên những người thừa kế được hưởng theo di chúc gồm: bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Hữu V**.

4. Ông **Hoa Hữu V** được hưởng 50% di sản theo tờ di chúc, phần của cụ **M**; Bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U** được hưởng 50% di sản theo tờ di chúc, phần của cụ **L1**.

5. Tài sản là di sản được chia như sau: Ông **Hoa Hữu V** được phân chia và được tiếp tục quản lý sử dụng các di sản của cụ **Hoa Văn M**, cụ bà **Lê Thị L1** gồm:

+ Diện tích đất 3.417m² nối các điểm 8,9,10,11,12,13,14,15 thuộc giấy chứng nhận đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

+ Diện tích đất 1.578m² nối các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,15 giấy chứng nhận đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

+ Diện tích đất 9.998m² nối các điểm 20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31,32,38,39,40,41 thuộc giấy chứng nhận đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

+ Diện tích đất 3.024m² nối các điểm 19,20,41,40,39,38,32,33,34,37,36,42,45 thuộc giấy chứng nhận đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

+ Diện tích đất 190m² nối các điểm 42,43,44,45 thuộc giấy chứng nhận đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**;

+ Diện tích đất 992m² nối các điểm 15,16,17,18,19,45,44,43,42,36,11,8,35 thuộc giấy chứng nhận đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**, trừ diện tích đất 20,2 m² nối các điểm 8,9,10,11 là nhà của bà **Lê Thị Đ2**.

Phần đất tọa lạc xã **K**, huyện **C**, tỉnh **An Giang**.

Tổng giá trị tài sản là 1.626.192.000 đồng, ông **Hoa Hữu V** được hưởng 50% di sản theo tờ di chúc, phần của cụ **M** được tính thành tiền là 813.096.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm mười ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc ông **Hoa Hữu V** có nghĩa vụ giao cho bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U** mỗi người một kỹ phần di sản theo tờ di chúc, phần của cụ **L1** thành tiền là 203.274.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

- Buộc ông **Hoa Văn Đ1** giao cho ông **Hoa Hữu V** bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1** và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**.

Ông **Hoa Hữu V** có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai (Bản vẽ trích đo hiện trạng khu đất và công văn số 2730/CNCM-ĐĐ ngày 24/8/2023 của Văn phòng **Đ4 chi nhánh huyện C** là một bộ phận không thể tách rời bản án).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn ông **Hoa Văn Đ1** và bà **Hoa Thị Đ**, đơn kháng cáo đề ngày 29 tháng 9 năm 2023 của nguyên đơn ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Ý**, đơn kháng cáo đề ngày 29 tháng 9 năm 2023 của bị đơn ông **Hoa Hữu V** kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Ông **Hoa Hữu V** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận tờ di chúc ngày 21/02/2017 vì các anh chị ông **V** đã được nhận tài sản của cha mẹ lúc còn sống và sau khi cha mẹ mất các anh chị tự ý vào nhà cạy tủ lấy vàng, tiền của cha và lập tờ phân chia tài sản ngày 08/02/2017. Đến nay mẹ ông mất thì số tài sản này ông **Hoa Văn Đ1** chiếm giữ hết không phân chia 50% của mẹ cho các anh em, ông có tường trình và nộp tờ phân chia tài sản ngày 08/02/2017 nhưng không yêu cầu phân chia vì không rõ số lượng, giá trị tài sản là bao nhiêu.

- Ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Đ1**, bà **Hoa Thị Đ** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với các yêu cầu sau:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xem xét lại toàn bộ bản án số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang để tôn trọng sự thật khách quan, tôn trọng ý chí của cha mẹ thể hiện trong tờ di chúc.

Sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia phần di sản của cha là ông **Hoa Văn M** theo pháp luật cho 06 người con vì nội dung di chúc

ngày 26/3/2009 chỉ ghi nhận cho **Hoa Hữu V** việc trông coi và quản lý, không có quyền định đoạt. Đây vẫn là di sản của cha chưa được định đoạt và vẫn là tài sản chung thừa kế của 06 người con; Chia phần di sản của mẹ là bà **Lê Thị L1** theo di chúc ngày 21/02/2017 cho 04 người có tên trong di chúc gồm **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ**, **Hoa Văn Ý** và **Hoa Văn U**.

Xin chia kỹ phần là hiện vật (nhận đất) theo ý nguyện của cha, của mẹ để việc phân chia được công bằng và các con đều có đất để canh tác đồng thời giữ được kỷ niệm cha mẹ để lại cho các con, yêu cầu nhận đất để canh tác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

- Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông **Hoa Văn Đ1** đề nghị xem xét Tờ di chúc ngày 26/3/2009, xác định phần của cụ **M** dùng vào việc thờ cúng, nhưng ông **V** không hoàn thành nhiệm vụ thờ cúng nên đề nghị phần di sản của cụ **M** chia cho 06 người con. Đối với di chúc của cụ **L1** được xác định là hợp lệ nên đề nghị chia cho 04 người con theo di chúc, chia bằng hiện vật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông **Hoa Hữu V** đề nghị xem xét và xác định di sản của cụ **M**, cụ **L1** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Di chúc năm 2009 ghi tài sản dùng vào việc thờ cúng. Khi cụ **L1** lập di chúc phía ông **V** không biết và cụ **L1** không thể lập lại di chúc, vì lúc này cụ **L1** đã già yếu, không tự đi lại được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của di chúc ngày 21/02/2017 theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của **Hoa Hữu V** và chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Đ1**, bà **Hoa Thị Đ**; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang như sau: 50% di sản của cụ **Hoa Văn M** có giá trị 813.096.000 đồng được dùng vào làm hương quả; 50% di sản của cụ **Lê Thị L1** có giá trị 813.096.000 đồng được chia cho 04 người con là ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Đ1**, bà **Hoa Thị Đ** mỗi người được 203.274.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông **Hoa Văn Đ1**, bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Ý**, bị đơn ông **Hoa Hữu V** đều trong hạn luật định,

có tạm nộp án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại trong vụ án không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất cha mẹ là cụ ông **Hoa Văn M** (sinh năm 1925, chết ngày 30/11/2016) và cụ bà **Lê Thị L1** (sinh năm 1930, chết ngày 17/5/2021) có sinh 06 người con gồm các ông, bà **Hoa Thị Đ**, **Hoa Văn Đ1**, **Hoa Văn Ý**, **Hoa Văn U**, **Hoa Hữu V** và **Hoa Thị C**. Bà **C** đã chết ngày 29/8/2009, có chồng là ông **Dương Văn L2** và 02 người con tên **Dương Thị Hồng D1**, **Dương Đức H**.

Thống nhất diện tích đất cha mẹ để lại gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 14.204m², thuộc các thửa đất số 187, 191, 193, 194, tờ bản đồ số 90, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1** (diện tích các thửa đất gồm: thửa 187 diện tích đất 9.998m²; thửa 191 diện tích đất 3.024m²; thửa 193 diện tích đất 992m²; thửa 194 diện tích đất 190m²).

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 4.995,0m², thuộc các thửa đất số 89, 91, tờ bản đồ số 98, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1** (diện tích 02 thửa đất gồm: thửa 91 diện tích đất 3.417m²; thửa 89 diện tích đất 1.578m²). Toàn bộ diện tích đất nêu trên hiện nay do ông **Hoa Hữu V** quản lý.

Các đương sự (nguyên đơn và bị đơn) còn thống nhất, ngày 26/3/2009 cụ **M**, cụ **L1** có lập di chúc để lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho bị đơn **Hoa Hữu V** trông coi, quản lý để làm hương quả, di chúc được Ủy ban nhân dân xã **K** chứng thực. Tuy nhiên sau khi cụ **M** chết, ngày 17/02/2017 cụ **Lê Thị L1** có đơn yêu cầu hủy di chúc gửi UBND xã **K**, huyện **C** (hủy phần quyền tài sản của bà) trong di chúc ngày 26/3/2009. Đến ngày 21/02/2017 cụ **L1** lập lại di chúc để lại phần quyền tài sản riêng của bà cho 04 người con gồm: Ông **Hoa Văn Đ1**, bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Ý1**.

Theo Điều 640 Bộ luật dân sự, cụ **L1** có quyền thay đổi di chúc để lại tài sản của mình cho người được hưởng di sản. Xét thấy ngày 16/02/2017 (trước khi lập di chúc ngày 21/02/2017) cụ **L1** đã khám sức khỏe tại Bệnh viện **Đ5**, phần kết luận của giấy khám sức khỏe của cụ **L1** ghi “Tĩnh, đủ sức khỏe làm di chúc”. Tờ di chúc 21/02/2017 do cụ **L1** lập được UBND xã **K** chứng thực nên được xem là hợp lệ. Do đó di sản là diện tích đất 19.178,8m² (gồm 06 thửa đất) nằm trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ **M**, cụ **L1** đứng tên, được xác định mỗi người được 50% diện tích đất (cụ **M** được diện tích 9.589.4m²; cụ **L1** được diện tích 9.589.4m²). Vậy diện tích đất của cụ **M** được dùng vào làm hương quả, thờ cúng theo Điều 645 Bộ luật dân sự, còn diện tích đất của cụ **L1** được chia cho 04 người con là ông **Hoa Văn Đ1**, bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Ý1** theo Điều 624 Bộ luật dân sự.

Nhưng ông **Hoa Hữu V** không đồng ý với tờ di chúc do cụ **L1** lập ngày 21/02/2017, vì cụ **L1** đã cao tuổi, già yếu, bệnh tật không thể đi lại được, nên di chúc có sự giả dối, có sự tự ý lập của các nguyên đơn, nhưng ông **V** không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Nhận thấy Tờ di chúc ngày 26/3/2009, cụ **M** có ý nguyện để lại di sản làm hương quả, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phần di sản của cụ **M** cho ông **Hoa Hữu V** được quyền quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là không đúng với ý nguyện của người để lại di chúc. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia phần di sản của cụ **M** cho 06 người con cũng không có cơ sở.

Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy trước khi cụ **M**, cụ **L1** lập di chúc ngày 26/3/2009, thì hai cụ đã phân chia tài sản cho các con, mỗi người con đều đã nhận tài sản được cha mẹ chia, phần này không có tranh chấp. Phần đất còn lại 02 cụ quản lý, sử dụng cùng với đứa con út là ông **Hoa Hữu V**, đến năm 2016 cụ **M** chết thì diện tích đất vẫn do ông **V** quản lý và hiện nay diện tích đất tranh chấp ông **V** cho ông **Trần Văn N**, ông **Phạm Văn R** và ông **Trần Văn N1** thuê thời hạn 10 năm.

Xét về vị trí các thửa đất, theo biên bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 17/4/2023 của **Văn phòng Đ4 chi nhánh C**. Nhận thấy các thửa đất có diện tích khác nhau, có mục đích sử dụng khác nhau và chỉ có 01 lối đi vào nên khó phân chia đồng đều cho các đương sự bằng hiện vật (phần diện tích nào dùng vào việc thờ cúng; phần diện tích nào chia thừa kế). Hơn nữa để tránh va chạm, mâu thuẫn trong quá trình sử dụng đất và tránh việc chia bằng hiện vật sẽ gây manh mún đất đai canh tác không hiệu quả nên Tòa án cấp sơ thẩm chia bằng giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường cho các nguyên đơn là có cơ sở.

Theo biên bản định giá ngày 29/12/2022 Giá trị di sản theo kết quả định giá, phần đất thuộc thửa 89, 91 có giá thị trường là 70.000 đồng/m² và phần đất thuộc thửa 187, 191, 193, 194 có giá thị trường là 90.000 đồng/m², theo đó:

- Diện tích đất 3.417m² x 70.000 đồng/m² = 239.190.000 đồng;
- Diện tích đất 1.578m² x 70.000 đồng/m² = 110.460.000 đồng;
- Diện tích đất 9.998m² x 90.000 đồng/m² = 899.820.000 đồng;
- Diện tích đất 3.024m² x 90.000 đồng/m² = 272.160.000 đồng;
- Diện tích đất 190m² x 90.000 đồng/m² = 17.100.000 đồng;
- Diện tích đất 971,8m² (992m² – 20,2m²) x 90.000 đồng/m² = 87.462.000 đồng.

Tổng cộng giá trị là 1.626.192.000 đồng. Vậy di sản của cụ **M** 813.096.000 đồng; di sản của cụ **L1** 813.096.000 đồng.

Bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông Hoa Văn Ý, ông **Hoa Văn U** được hưởng theo di chúc phần của cụ **L1** bằng giá trị quyền sử dụng đất của phần diện tích 9.998m². Vậy 9.998m² x 90.000 đồng/m² = 899.820.000 đồng. Như nhận

định phần trên di sản của bà **L1** có giá trị 813.096.000 đồng, mỗi người (Đùng, Đăm, Ý, **U**) được hưởng 203.274.000 đồng, sẽ còn chênh lệch dư 86.724.000 đồng, số tiền này giao cho ông **V** quản lý, dùng vào việc thờ cúng.

Phần của cụ **M** dùng làm hương quả gồm các diện tích đất: Diện tích đất 3.417m²; diện tích đất 1.578m²; diện tích đất 3.024m²; diện tích đất 190m²; diện tích đất 971,8m² (992m² – 20,2m²) có giá trị 726.372.000 đồng và số tiền 86.724.000 đồng tổng cộng 813.096.000 đồng. Giao cho ông **Hoa Hữu V** được tiếp tục quản lý dùng vào việc thờ cúng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án về phân chia di sản thừa kế nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông **Hoa Văn Đ1** và bà **Hoa Thị Đ** là người cao tuổi nên được miễn; Ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa V1** Ý mỗi người phải chịu 10.163.700 đồng. Ông **Hoa Hữu V** phải chịu 4.336.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các nguyên đơn ông **Hoa Văn Đ1**, bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn U**, ông **Hoa Văn Ý1** được chấp nhận 01 phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm; Kháng cáo của bị đơn ông **Hoa Hữu V** không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận 01 phần kháng cáo của nguyên đơn bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U**.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Hoa Hữu V**.

P xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U**:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn Ý**, ông **Hoa Văn U** đối với phần diện tích 5.000m² đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì việc đo đạc bị cản trở không thực hiện được và diện tích đất 20,2m² là căn nhà của bà **Lê Thị Đức n** các điểm 8,9,10,11 thuộc giấy chứng nhận đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho cụ **Hoa Văn M**, cụ **Lê Thị L1**.

2. Về hàng thừa kế của cụ M, cụ L1 gồm: Bà Hoa Thị Đ, ông Hoa Văn Đ1, ông Hoa Văn Ý, ông Hoa Văn U, ông Hoa Hữu V và bà Hoa Thị C (bà C đã chết người thừa kế thế vị là bà Dương Thị Hồng D1, ông Dương Đức H).

3. Về di sản gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 14.204m², thuộc các thửa đất số 187, 191, 193, 194, tờ bản đồ số 90, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1.

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 4.995,0m², thuộc các thửa đất số 89, 91, tờ bản đồ số 98, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1.

Giá trị tài sản là 1.626.192.000 đồng.

4. Ông Hoa Hữu V được tiếp tục quản lý, sử dụng làm hương quả các diện tích đất và tiền cụ thể: Diện tích đất 3.417 m²; diện tích đất 1.578 m²; diện tích đất 3.024m²; diện tích đất 190m²; diện tích đất 971,8m² (992 m² – 20,2m²) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB và số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1 và số tiền 86.724.000 đồng (tám mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

5. Ông Hoa Hữu V được quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (điều chỉnh biên động từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ M, cụ L1 đứng tên) đối với diện tích đất 9.998m² thuộc thửa 187, tờ bản đồ 90, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1.

- Ông Hoa Hữu V có nghĩa vụ giao cho bà Hoa Thị Đ, ông Hoa Văn Đ1, ông Hoa Văn Ý, ông Hoa Văn U mỗi người một kỷ phần với số tiền 203.274.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc ông Hoa Văn Đ1 giao cho ông Hoa Hữu V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05473aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1 và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05474aB ngày 09/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Hoa Văn M, cụ Lê Thị L1.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai (Bản vẽ trích đo hiện trạng khu đất theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ M, cụ L1 đứng tên và Công văn số 2730/CNCM-ĐĐ ngày 24/8/2023 của Văn phòng đăng

ký đất đai **chi nhánh huyện C** là một bộ phận không thể tách rời bản án).

6. Về chi phí tố tụng: Buộc bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn U** mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả tiền chi phí tố tụng cho ông **Hoa V1** Ý số tiền là 886.268 đồng (Bằng chữ: Tám trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng); Buộc ông **Hoa Hữu V** có nghĩa vụ hoàn trả tiền chi phí tố tụng cho ông **Hoa V1** Ý số tiền là 3.545.070 đồng (Bằng chữ: Ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi đồng).

7. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1** được miễn án phí;

Ông **Hoa Văn Ý1** phải chịu án phí 10.163.700 đồng (Bằng chữ: Mười triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.249.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0012575 ngày 12/10/2022 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.344.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0013753 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Ông **Hoa Văn Ý1** phải nộp thêm số tiền 1.570.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ông **Hoa Văn U** phải chịu án phí 10.163.700 đồng (Bằng chữ: Mười triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.249.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0012574 ngày 12/10/2022 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.344.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0013752 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Ông **Hoa Văn U** phải nộp thêm số tiền 1.570.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ông **Hoa Hữu V** phải chịu án phí 4.366.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà **Hoa Thị Đ**, ông **Hoa Văn Đ1**, ông **Hoa Văn U**, **Hoa Văn Ý** không phải chịu án phí phúc thẩm; **H1** lại cho ông **Hoa Văn U** số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013955 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới; **H1** lại cho ông **Hoa V1** Ý số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013956 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;

Ông **Hoa Hữu V** phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013954 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu